

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2017

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Tùng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Kim Mến**;

2. Bà **Lâm Thị Tám**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mến**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Phùng Văn S**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Con chung: Cháu **Phùng Hữu N**, sinh ngày 29/11/2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 01.03.2017 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà và ông Phùng Văn S cưới nhau ngày 16/7/2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới bà và ông S chung sống hạnh phúc được 06 năm, đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến dẫn đến vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Bà và ông Phùng Văn S đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Xét thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên nay bà yêu cầu ly hôn với ông Phùng Văn S.

Con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông S có 01 con chung là Phùng Hữu N, sinh ngày 29/11/2002 hiện đang sống với ông S. Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu được quyền nuôi con chung nhưng tại phiên tòa bà thay đổi ý kiến, bà nhường quyền nuôi con cho ông S nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo nguyện vọng của cháu Phùng Hữu N, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phùng Văn S: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và quyết

định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông S vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì về việc bà T yêu cầu ly hôn.

Đối với cháu Phùng Hữu N, khi cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống cùng cha là ông Phùng Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng: Ông Phùng Văn S đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông S đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông S vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Phùng Văn S.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu nuôi con chung. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về nội dung: Việc tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị T và ông Phùng Văn S là loại kiện hôn nhân và gia đình, bà T và ông S tự nguyện tổ chức cưới và chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Như vậy hôn nhân giữa bà T và ông S không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Phùng Văn S nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thụ lý đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Huỳnh Thị T và tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà T và ông S là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Huỳnh Thị T và ông Phùng Văn S có 01 người con chung tên Phùng Hữu N, sinh ngày 29/11/2002, hiện đang sống với ông S. Tại phiên tòa bà T nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho ông S và tại tòa trường trình ngày 27/4/2017, cháu Phùng Hữu N trình bày khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với cha là ông S. Xét thấy nguyện vọng của cháu N là hợp lý và chính đáng và hiện nay cháu N cũng đang sống với ông S nên để ổn định cuộc sống cho cháu N, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 15; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Phùng Hữu N, sinh ngày 29/11/2002 cho ông Phùng Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Huỳnh Thị T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phùng Văn S là người đang trực tiếp nuôi con nhưng ông không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị T và ông Phùng Văn S.

- Về con chung: Giao cho ông Phùng Văn S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phùng Hữu N, sinh ngày 29/11/2002 đến tuổi trưởng thành (Theo nguyện vọng của cháu Phùng Hữu N). Bà Huỳnh Thị T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005132 ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, bà Huỳnh Thị T đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thanh Tùng

